

Bản án số: 48/2024/DS-ST

Ngày 27-9-2024

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HỒNG - TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Cư.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Hải.
2. Ông Hồ Chí Trường.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Xuân Mai - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hồng tham gia phiên tòa:
Ông Lê Công Hậu – Kiểm sát viên.

Vào các ngày 11/9/2024 và ngày 27/9/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 105/2024/TLST-DS ngày 21 tháng 5 năm 2024 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2024/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 8 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 34/2024/QĐST-DS ngày 11 tháng 9 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Ngân hàng thương mại cổ phần S.

Địa chỉ: Số B, N, phường V, Quận C, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật là bà Nguyễn Đức Thạch D, chức vụ: Tổng Giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Đức Thạch D là anh Lê Thanh T, sinh năm 1980. Địa chỉ: Khóm M, Phường C, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp (Theo quyết định ủy quyền số 3525/2023/QĐ-PC ngày 25/12/2023 của Tổng Giám đốc Ngân hàng thương mại cổ phần S.

Đại diện theo ủy quyền của anh Lê Thanh T là chị Huỳnh Thị Như T1, sinh năm 1992, chức vụ: Chuyên viên Quản lý tín dụng và kiểm soát rủi ro – Chi nhánh Đ – Phòng G. Địa chỉ: Khóm B, thị trấn S, huyện T, tỉnh Đồng Tháp (Theo giấy ủy quyền số 51/GUQ-PGDTH ngày 09/5/2024) (Có đơn xin vắng mặt).

2. Bị đơn: Anh Phan Thái H, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp (Vắng mặt không lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và các văn bản trình bày của chị T1 đại diện cho nguyên đơn có trong hồ sơ vụ án: Vào ngày 23/8/2018, anh H có ký với Ngân hàng TMCP S – Phòng G (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (Bao gồm: Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng). Căn cứ thu nhập của anh H, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 10.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, anh H đã rút dư nợ gốc 10.000.000 đồng. Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng anh H vẫn không có thiện chí trả nợ. Do anh H vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng), ngày 22/10/2023 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 23 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng).

Từ những nhận định trên, Ngân hàng đề nghị Tòa án giải quyết buộc anh Phan Thái H phải thanh toán khoản nợ tính đến ngày xét xử 27/9/2024 như sau: Dư nợ gốc 6.972.164 đồng, lãi quá hạn 5.091.207 đồng. Tổng cộng gốc lãi 12.063.371 đồng. Anh Phan Thái H còn phải tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng, Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng tính từ ngày 28/9/2024 đến ngày trả hết nợ.

- Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng đã thực hiện đầy đủ thủ tục tổng đạt (Theo thủ tục Niêm yết) hợp lệ các văn bản tố tụng đối với bị đơn Phan Thái H nhưng anh H không có ý kiến phản hồi trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng và không đến Tòa án để giải quyết. Do đó, Tòa án không thể ghi nhận ý kiến của anh H.

- Ý kiến đại diện Viện kiểm sát: Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hồng phát biểu việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình

giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng dân sự là đúng quy định.

Về việc giải quyết vụ án: Qua yêu cầu của Ngân hàng đối với anh H là có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về quan hệ tranh chấp: Hội đồng xét xử xét thấy qua yêu cầu của Ngân hàng thương mại cổ phần S Tòa án thụ lý vụ án “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” là phù hợp theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn đã cung cấp đúng địa chỉ của bị đơn và phù hợp với kết quả xác minh của Công an xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp, như sau: “*Phan Thái H có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp. Hiện nay H không có mặt tại địa phương, không rõ nơi cư trú hiện tại*”. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử các định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp.

- Tại phiên tòa xét xử sơ thẩm bị đơn Phan Thái H đã được tổng đạt, triệu tập hợp lệ theo quy định tại các Điều 177 và Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự mà vẫn cố tình vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Còn chị T1 là người đại diện cho nguyên đơn đã có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh H và chị T1 là đúng theo quy định tại các Điều 227, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Ngân hàng thương mại cổ phần S yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh Phan Thái H phải thanh toán khoản nợ tính đến ngày 27/9/2024 nợ gốc 6.972.164đồng, lãi quá hạn 5.091.207đồng. Tổng cộng gốc lãi 12.063.371đồng. Hội đồng xét xử nhận thấy:

Căn cứ vào hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (Bao gồm giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng) ngày 23/8/2018 đã ký kết giữa Ngân hàng thương mại cổ phần S với anh Phan Thái H cho thấy việc giao kết hợp đồng giữa các bên là có thật. Nội dung các bên thỏa thuận xuất phát từ sự tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội là phù hợp theo quy định tại các Điều 3, Điều 463 Bộ luật dân sự 2015.

Vào ngày 23/8/2018 Ngân hàng thương mại cổ phần S – Phòng G có cấp cho anh Phan Thái H thẻ tín dụng Số 090403-3127; hạn mức 10.000.000 đồng; lãi suất áp dụng 2,5%, phí theo Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng thương mại cổ phần S. Anh H đã sử dụng thẻ với số tiền 10.000.000 đồng sau đó anh H không thanh toán đầy đủ cho Ngân hàng theo thông báo giao dịch hàng tháng. Do đó, ngày 22/10/2023 Ngân hàng thương mại cổ phần S – Phòng G đã chuyển khoản nợ thẻ sang nợ quá hạn và chấm dứt sử dụng thẻ, thu hồi toàn bộ nợ thẻ chưa thanh toán. Căn cứ bản tính chi tiết quá trình sử dụng thẻ của anh H tính đến ngày 27/9/2024 anh H còn nợ Ngân hàng thương mại cổ phần S tổng cộng là 12.063.371 đồng, trong đó dư nợ gốc 6.972.164 đồng, lãi quá hạn 5.091.207 đồng. Xét trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh H nhưng anh H không có ý kiến phản hồi trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần S, không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án và không đến Tòa án để giải quyết nên Tòa án căn cứ theo quy định tại khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, anh H đã từ bỏ quyền được chứng minh của mình nên phải chịu hậu quả theo quy định pháp luật. Hội đồng xét xử căn cứ các tài liệu chứng cứ của nguyên đơn cung cấp để làm cơ sở cho việc giải quyết vụ án.

Xét theo quy định pháp luật:

Căn cứ khoản 2 Điều 95 Luật tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi bổ sung năm 2017) quy định: “2. Trong trường hợp khách hàng không trả nợ đến hạn, nếu các bên không có thỏa thuận khác thì tổ chức tín dụng có quyền xử lý nợ, tài sản bảo đảm tiền vay theo hợp đồng cấp tín dụng...”

Căn cứ khoản 2 Điều 91 Luật tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi bổ sung năm 2017) quy định: “2. Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật”.

Căn cứ điểm d khoản 3 Điều 98 Luật tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi bổ sung năm 2017) quy định:

“Điều 98. Hoạt động ngân hàng của Ngân hàng thương mại

...

d) Phát hành thẻ tín dụng; ...”

Xét, cam kết của giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng của anh H với Ngân hàng thương mại cổ phần S “... Bằng việc ký vào giấy đề nghị này tôi xác nhận rằng, tôi đã đọc và đồng ý bị ràng buộc bởi Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của S1. Điều khoản và Điều kiện cùng với giấy đề nghị này tạo nên một hợp đồng chi phối việc phát hành và sử dụng thẻ tín dụng

S1 có tính ràng buộc về mặt pháp lý giữ tôi và S1. Tôi chịu trách nhiệm đối với các nghĩa vụ và trách nhiệm phát sinh liên quan đến việc sử dụng thẻ tín dụng mà tôi đã được cấp...”

Xét Điều 23 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng thương mại cổ phần S quy định: *“Việc không thanh toán ít nhất số tiền tối thiểu của chủ thẻ cho đến kỳ phát hành thông báo tiếp theo tạo nên sự vi phạm theo hợp đồng. Trong trường hợp này toàn bộ tổng dư nợ sẽ trở nên đến hạn ngay lập tức và chủ thẻ phải thanh toán.*

...

Khi sự kiện vi phạm xảy ra, Chủ thẻ hiểu và đồng ý rằng Đơn vị phát hành thẻ có thể thực hiện một hoặc nhiều hành động sau:

- Chấm dứt quyền sử dụng thẻ và tiến hành thu hồi toàn bộ nợ;*
- Áp dụng lãi suất nợ quá hạn (là 150% của lãi suất được công bố áp dụng tại thời điểm hiện tại) phù hợp với quy định Điều 22 đối với toàn bộ dư nợ theo quy định của Đơn vị phát hành thẻ;*

...”

Do vậy, yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần S buộc bị đơn anh Phan Thái H phải thanh toán khoản nợ tính đến ngày 27/9/2024 là 12.063.371 đồng, trong đó dư nợ gốc 6.972.164 đồng, lãi quá hạn 5.091.207 đồng là có căn cứ, phù hợp với quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị đơn anh Phan Thái H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Ngân hàng thương mại cổ phần S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[4] Hội đồng xét xử xét lời phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có cơ sở nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, Điều 91, 92, 147, 177, 179, 180, 227, 228, 235, 238, 271, 273 và 278 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 280, 351, 463 và 466 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91, 95 và 98 Luật tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi bổ sung năm 2017); Điều 210

Luật các tổ chức tín dụng năm 2024; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần S.

Buộc anh Phan Thái H có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần S số tiền nợ vay tổng cộng 12.063.371 đồng (Mười hai triệu không trăm sáu mươi ba nghìn ba trăm bảy mươi một đồng), trong đó dư nợ gốc 6.972.164 đồng, lãi quá hạn 5.091.207 đồng.

Kể từ ngày 28/9/2024 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (Bao gồm: Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng đề ngày 23/8/2018 đã ký kết giữa Ngân hàng thương mại cổ phần S – Phòng G với anh Phan Thái H và Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng thương mại cổ phần S) nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc anh Phan Thái H phải nộp 603.000 đồng (Sáu trăm lẻ ba nghìn đồng) (lấy tròn) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Ngân hàng thương mại cổ phần S không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần S số tiền 328.000 đồng (Ba trăm hai mươi tám nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai thu số 0010051 ngày 22 tháng 5 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hồng (Do chị Huỳnh Thị Như T1 nộp thay).

3. Về quyền kháng cáo, kháng nghị:

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm của Tòa án cấp sơ thẩm để yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án theo quy định pháp luật.

Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Tân Hồng;
- Chi cục THADS huyện Tân Hồng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Văn Cư